THÔNG BÁO Mẫu 6

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế năm học 2022 - 2023

Năm học :	**Năm học: 2022-2023**
Trường :	TH Trần Quốc Toản

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3					
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																				
1. Tiếng Việt	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Hoàn thành tốt		***177***	68	30	6				67	36	11	4			42	23	5	1		
Hoàn thành		***37***	15	3	4	2			9	3	1	1			13	3	2	2		
Chưa hoàn thành		***2***	2	1																
2. Toán	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Hoàn thành tốt		***185***	72	31	6	1			71	37	11	4			42	22	5	1		
Hoàn thành		***30***	12	2	4	1			5	2	1	1			13	4	2	2		
Chưa hoàn thành		***1***	1	1																
3. Đạo đức	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Hoàn thành tốt		***154***	59	28	6	1			55	29	9	4			40	21	5	1		
Hoàn thành		***62***	26	6	4	1			21	10	3	1			15	5	2	2		
Chưa hoàn thành																				
4. Tự nhiên và Xã hội	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Hoàn thành tốt		***150***	55	27	4				52	29	8	3			43	22	5	1		
Hoàn thành		***66***	30	7	6	2			24	10	4	2			12	4	2	2		
Chưa hoàn thành																				
5. Nghệ thuật (Âm nhạc)	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Hoàn thành tốt		***146***	55	27	4				50	27	8	3			41	22	4	1		
Hoàn thành		***70***	30	7	6	2			26	12	4	2			14	4	3	2		
Chưa hoàn thành																				
6. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Hoàn thành tốt		***151***	57	28	5	1			55	31	10	4			39	22	4	1		
Hoàn thành		***65***	28	6	5	1			21	8	2	1			16	4	3	2		
Chưa hoàn thành																				
7. Hoạt động trải nghiệm	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Hoàn thành tốt		***152***	56	28	4				54	28	9	3			42	22	5	1		
Hoàn thành		***64***	29	6	6	2			22	11	3	2			13	4	2	2		
Chưa hoàn thành																				

8. Giáo dục thể chất	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Hoàn thành tốt		***151***	62	27	5				52	27	9	3			37	19	5	1		
Hoàn thành		***65***	23	7	5	2			24	12	3	2			18	7	2	2		
Chưa hoàn thành																				
9. TH-CN (Công nghệ)	***55***	***55***													55	26	7	3		
Hoàn thành tốt		***37***													37	20	4	1		
Hoàn thành		***18***													18	6	3	2		
Chưa hoàn thành																				
10. TH-CN (Tin học)	***216***	***55***													55	26	7	3		
Hoàn thành tốt		***46***													46	22	5	1		
Hoàn thành		***9***													9	4	2	2		
Chưa hoàn thành																				
11. Ngoại ngữ	***216***	***55***													55	26	7	3		
Hoàn thành tốt		***38***													38	20	4	2		
Hoàn thành		***17***													17	6	3	1		
Chưa hoàn thành																				
12. Tiếng dân tộc	***216***																			
Hoàn thành tốt																				
Hoàn thành																				
Chưa hoàn thành																				
II. Năng lực cốt lõi																				
Năng lực chung																				
Tự chủ và tự học	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Tốt		***144***	55	27	4				50	26	9	3			39	21	4	1		
Đạt		***71***	29	7	6	2			26	13	3	2			16	5	3	2		
Cần cố gắng		***1***	1																	
Giao tiếp và hợp tác	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Tốt		***145***	55	27	4				52	29	8	3			38	20	4	1		
Đạt		***71***	30	7	6	2			24	10	4	2			17	6	3	2		
Cần cố gắng																				
Giải quyết vấn đề và sáng	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Tốt		***139***	55	27	4				49	26	8	3			35	19	3	1		
Đạt		***76***	29	7	6	2			27	13	4	2			20	7	4	2		
Cần cố gắng		***1***	1																	
Năng lực đặc thù																				
Ngôn ngữ	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Tốt		***160***	61	29	4				61	34	10	4			38	20	4	1		
Đạt		***54***	22	4	6	2			15	5	2	1			17	6	3	2		
Cần cố gắng		***2***	2	1																
Tính toán	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Tốt		***180***	71	31	7	1			69	36	11	4			40	22	4	1		

Đạt		*56*	26	6	6	2			21	8	4	2			9	4	2	2		
Cần cố gắng																				
IV. Đánh giá KQGD	***216***	***216***	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
- Hoàn thành xuất		*67*	30	17	1				25	17	1	1			12	9	1	1		
- Hoàn thành tốt		*69*	25	10	3				24	9	7	2			20	8	1			
- Hoàn thành		*78*	28	6	6	2			27	13	4	2			23	9	5	2		
- Chưa hoàn thành		*2*	2	1																
V. Khen thưởng		*117*	38	17	1				47	25	8	3			32	17	2	1		
- Giấy khen cấp trường		*117*	38	17	1				47	25	8	3			32	17	2	1		
- Giấy khen cấp trên																				
VI. HSDT được trợ giảng																				
VII. HS.K.Tật																				
VIII. HS bỏ học kỳ II																				
+ Hoàn cảnh GĐKK																				
+ KK trong học tập																				
+ Xa trường, đi lại K.khăn																				
+ Thiên tai, dịch bệnh																				
+ Nguyên nhân khác																				
IX. Chương trình lớp họ	216	216	85	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Hoàn thành	215	215	84	34	10	2			76	39	12	5			55	26	7	3		
Chưa hoàn thành	1	1	1																	

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TOẢN

Nguyễn Đình Tấn